

|                                                                                                                                                       |                         |                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|
| <br><b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN<br/>MÁY GIA DỤNG HÒA<br/>PHÁT HÀ NAM</b> | <b>TIÊU CHUẨN CƠ SỞ</b> | <b>TCCS 01MLN-<br/>2023/ĐMHP</b>                 |
|                                                                                                                                                       | <b>MÁY LỌC NƯỚC</b>     | <b>Có hiệu lực ngày</b><br><br><b>19/06/2025</b> |

## MÁY LỌC NƯỚC

### 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm:

1. Máy lọc nước để gầm
2. Máy lọc nước RO tủ đứng
3. Máy lọc nước 3 chức năng
4. Máy lọc nước 2 chức năng
5. Máy lọc nước điện phân Hydrogen Ion Kiềm

Do công ty Cổ phần điện máy & gia dụng Hòa Phát – Địa chỉ: KCN Hòa Mạc – Duy Tiên – Hà Nam chế tạo và lắp ráp tại nhà máy.

### 2. Yêu cầu kỹ thuật

#### 2.1. Thông số kỹ thuật chức năng RO

| Hạng mục                    | Tiêu chuẩn                                                                        | Ghi chú                |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Công suất RO                | Max 35W                                                                           |                        |
| Áp suất đóng áp thấp        | >3 psi                                                                            |                        |
| Áp suất đóng áp cao         | 28-45 psi                                                                         |                        |
| Tỷ lệ loại muối của màng RO | >94%                                                                              |                        |
| Hiệu suất lọc               | >40%                                                                              |                        |
| Áp suất nước cấp tối thiểu  | 10 psi                                                                            |                        |
| Áp suất nước cấp tối đa     | 125psi                                                                            |                        |
| TDS                         | 50 ppm                                                                            | Chỉ số nước<br>tại vòi |
| PH                          | 6.5 – 9.5                                                                         |                        |
| Hydrogen                    | >600 ppb<br>(800-1800) ppb (Đối với máy lọc nước<br>điện phân hydrogen ion kiềm ) |                        |
| ORP                         | <0 mV                                                                             |                        |
| Mùi vị                      | Nước không có mùi vị lạ                                                           |                        |
| Lõi lọc thô số 1 : PP 5µm   | Sợi PP (Polypropylenen)                                                           |                        |
| Lõi lọc thô số 2 : UDF      | Than hoạt tính                                                                    |                        |
| Lõi lọc thô số 3 : PP 1µm   | Sợi PP (Polypropylenen)                                                           |                        |



|                                                                                   |                         |                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|
|  | <b>TIÊU CHUẨN CƠ SỞ</b> | <b>TCCS 01MLN-2023/ĐMHP</b>                      |
|                                                                                   | <b>MÁY LỌC NƯỚC</b>     | <b>Có hiệu lực ngày</b><br><br><b>19/06/2025</b> |
| <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY GIA DỤNG HÒA PHÁT HÀ NAM</b>                          |                         |                                                  |

|                                   |                                                  |  |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------|--|
| Màng lọc RO                       | 50GPD/75GPD/100GPD của Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan    |  |
| Lõi chức năng số 5 : T33          | Than hoạt tính gáo dừa                           |  |
| Lõi chức năng số 6 : Maifan       | Hạt gốm maifan                                   |  |
| Lõi chức năng số 7 : Tourmaline   | Than hoạt tính gáo dừa, hạt tourmaline, hạt ORP  |  |
| Lõi chức năng số 8 : Hydrogen     | Than hoạt tính gáo dừa, hạt Hydrogen             |  |
| Lõi chức năng số 9 : Far Infared  | Than hoạt tính gáo dừa, hạt hồng ngoại xa        |  |
| Lõi chức năng số 10 : Alkaline    | Than hoạt tính gáo dừa, hạt bóng gốm alkaline    |  |
| Lõi chức năng số 11 : Nano silver | Than hoạt tính gáo dừa phủ nano bạc              |  |
| Cụm lõi chức năng tích hợp HP8.0  | Tùy theo cấu hình và công bố cụ thể cho từng máy |  |

*Ghi chú : Tùy thuộc vào từng loại model mà có cấu hình màng RO, lõi lọc thô, lõi chức năng khác nhau*

## **2.2. Thông số kỹ thuật chức năng Nóng**

| Hạng mục             | Tiêu chuẩn | Ghi chú  |
|----------------------|------------|----------|
| Dung tích tank nóng  | 1 L        | ± 10%    |
| Công suất tank nóng  | 450W       | +5%/-10% |
| Thời gian làm nóng   | < 15 phút  |          |
| Nhiệt độ nước đầu ra | 80 – 95°C  |          |

## **2.3. Thông số kỹ thuật chức năng Lạnh block**

| Hạng mục             | Tiêu chuẩn | Ghi chú |
|----------------------|------------|---------|
| Dung tích tank Lạnh  | 1.5 L      | ± 10%   |
| Công suất tank Lạnh  | 55W        | +20%    |
| Thời gian làm Lạnh   | < 60 phút  |         |
| Nhiệt độ nước đầu ra | < 13°C     |         |



|                                                                                   |                         |                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|
|  | <b>TIÊU CHUẨN CƠ SỞ</b> | <b>TCCS 01MLN-2023/ĐMHP</b>                      |
|                                                                                   | <b>MÁY LỌC NƯỚC</b>     | <b>Có hiệu lực ngày</b><br><br><b>19/06/2025</b> |
| <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY GIA DỤNG HÒA PHÁT HÀ NAM</b>                          |                         |                                                  |

#### 2.4. Thông số kỹ thuật chức năng Lạnh chíp

| Hạng mục             | Tiêu chuẩn | Ghi chú |
|----------------------|------------|---------|
| Dung tích tank Lạnh  | 1.0 L      | ± 10%   |
| Công suất tank Lạnh  | 65W        | ± 10%   |
| Thời gian làm Lạnh   | < 90 phút  |         |
| Nhiệt độ nước đầu ra | < 16°C     |         |

#### 2.6. Thông số kỹ thuật cơ khí

| Hạng mục                      | Tiêu chuẩn                 | Ghi chú |
|-------------------------------|----------------------------|---------|
| Thân tủ khung máy             | Thép SPCC độ dày 0.6mm     |         |
| Giá đỡ RO, nóng lạnh          | Thép SPCC độ dày 1.2mm     |         |
| Kính cánh, kính đỉnh          | Kính tôi cường lực dày 4mm |         |
| Đế nhựa, đỉnh nhựa, cánh nhựa | Nhựa ABS                   |         |

#### 2.7. Kích thước, trọng lượng

| Hạng mục         | Tiêu chuẩn                 | Ghi chú |
|------------------|----------------------------|---------|
| Kích thước       | Tùy model, ghi trên bao bì |         |
| Trọng lượng tổng | Tùy model, ghi trên bao bì |         |

#### 2.8. Các số liệu được đo tại điều kiện như sau:

- + Nhiệt độ môi trường : 28<sup>0</sup>C
- + Nhiệt độ nước đầu vào : < 30<sup>0</sup>C
- + Thiết bị đo đã được hiệu chuẩn : Bút đo TDS, PH, Hydrogen, ORP, đồng hồ đo công suất, đồng hồ bấm giờ, cốc đong có vạch chia....
- + Tỷ lệ loại muối, hiệu suất lọc của màng RO được đo ở điều kiện : TDS đầu vào ~ 200ppm, áp suất đầu vào màng 60~70 psi
- + TDS, PH, Hydrogen, ORP được đo sau khi máy đã được súc rửa > 3 bình áp, ngâm sau 2h và mẫu lấy sau khi xả 500ml
- + Nhiệt độ nước nóng, nhiệt độ nước lạnh đo ngay sau khi chế độ làm nóng, chế độ làm lạnh ngắt ( cốc đựng đã được tráng qua nước nóng, nước lạnh)



|                                                                                   |                         |                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|
|  | <b>TIÊU CHUẨN CƠ SỞ</b> | <b>TCCS 01MLN-2023/ĐMHP</b>                      |
|                                                                                   | <b>MÁY LỌC NƯỚC</b>     | <b>Có hiệu lực ngày</b><br><br><b>19/06/2025</b> |
| <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN<br/>MÁY GIA DỤNG HÒA<br/>PHÁT HÀ NAM</b>                  |                         |                                                  |

## 2.9. Các yêu cầu an toàn đối với sản phẩm

- Tất cả các sản phẩm áp dụng Tiêu chuẩn này chất lượng nước đầu ra phải đạt QCVN 06-1:2010/BYT về nước uống trực tiếp và phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn điện được quy định trong Tiêu chuẩn Việt nam TCVN5699-1:2010: yêu cầu an toàn chung đối với các thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự
- Không được độc hại đối với người và cơ thể sống.
- Phải an toàn, không gây cháy nổ.
- Không được phá hủy môi sinh, môi trường.

## 3. Phương pháp thử

### 3.1. Ngoại quan

Sau khi bộ phận KCS đã kiểm tra và xác định chất lượng từng máy thuộc mỗi lô sản phẩm, nếu có yêu cầu kiểm tra lại thì được kiểm tra bằng mắt thường mà không cần sử dụng các dụng cụ đo kiểm khác.

### 3.2. Kỹ thuật

- Kiểm tra điện năng tiêu thụ, dòng điện, điện áp, dòng rò theo TCVN5699-2-80: 2007, bằng máy kiểm tra TA và máy kiểm tra tính năng đang có tại nhà máy.
- Kiểm tra chất lượng nước bằng các bút đo chuyên dụng đã được hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn QCVN06-1: 2010/BYT
- Kiểm tra kích thước, khe hở bằng thước đo điện tử đã được hiệu chuẩn

## 4. Yêu cầu về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, hướng dẫn sử dụng

### 4.1.1 Yêu cầu về ghi nhãn

- Ghi nhãn theo quy định tại nghị định về nhãn hàng hóa số 89/2006/NĐCP của chính phủ.
- Việc ghi nhãn được thực hiện trên thân máy và trên bao bì carton.
- Logo có chữ “FUNIKI” dán vào góc trên bên trái mặt điều khiển hoặc tại cửa khay đổ nước.
- Tên Model: được in và dán sau máy.

Nội dung tem bao gồm:

- + Logo công ty, tên thương hiệu, tên công ty:
- + Địa chỉ lắp ráp, sản xuất:



|                                                                                   |                         |                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|
|  | <b>TIÊU CHUẨN CƠ SỞ</b> | <b>TCCS 01MLN-2023/ĐMHP</b>                      |
|                                                                                   | <b>MÁY LỌC NƯỚC</b>     | <b>Có hiệu lực ngày</b><br><br><b>19/06/2025</b> |
| <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN<br/>MÁY GIA DỤNG HÒA<br/>PHÁT HÀ NAM</b>                  |                         |                                                  |

- + Tên sản phẩm, hàng hóa, kí hiệu:
- + Điện áp, tần số:
- + Công suất tiêu thụ:
- + Serial No:

#### *4.1.2. Đối với thùng carton*

- Thùng carton được in nổi chữ “FUNIKI” có ghi các nội dung sau:

- + In hình logo công ty:
- + Thông tin, cảnh báo an toàn:
- + Model máy làm mát không khí:
- + Các chức năng cơ bản của loại máy đó:
- + Các label quảng cáo khác:
- + Các ký hiệu lưu ý khi lưu kho và vận chuyển máy:
- + Tên công ty:
- + Địa chỉ sản xuất, lắp ráp:
- + Thời gian bảo hành:

#### *4.2. Yêu cầu bao gói*

Trước khi đóng gói phải được KCS kiểm tra đạt yêu cầu. Vật liệu dùng để bao gói là thùng carton giấy 5 lớp sóng A-B, túi nhựa PE và xốp chèn EPS.

##### *4.2.1. Quy cách bao gói*

- + Đặt sản phẩm lên xốp đế.
- + Đặt xốp chèn đỉnh (có bộ phụ kiện).
- + Bao gói sản phẩm bằng túi nhựa PE trong.
- + Đặt xốp chèn 4 góc vào 4 cạnh máy.
- + Chụp thùng carton.
- + Cố định bằng hai dây đai

#### *4.3. Hướng dẫn sử dụng và bảo hành*

- Mỗi một sản phẩm khi xuất xưởng đều có sách hướng dẫn sử dụng và phiếu bảo hành đi kèm.
- Sản phẩm máy lọc nước “Funiki” được bảo hành 36 tháng kể từ ngày sản xuất.



|                                                                                                                                                       |                         |                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|
| <br><b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN<br/>MÁY GIA DỤNG HÒA<br/>PHÁT HÀ NAM</b> | <b>TIÊU CHUẨN CƠ SỞ</b> | <b>TCCS 01MLN-<br/>2023/ĐMHP</b>            |
|                                                                                                                                                       | <b>MÁY LỌC NƯỚC</b>     | <b>Có hiệu lực ngày<br/><br/>19/06/2025</b> |

**4.4. Bảo quản và vận chuyển**

- Máy lọc nước “Funiki” được bảo quản trong điều kiện khô, tránh ẩm ướt. Khi lưu kho được xếp theo lô cùng loại và các quy định ghi trên vỏ hộp carton. Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện có mái che, chống mưa, ẩm ướt và tránh va đập, rung xóc.

Hà Nam, ngày 19 tháng 06 năm 2025

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



**Trần Tuấn Nam**

|                       |                          |                  |                 |               |
|-----------------------|--------------------------|------------------|-----------------|---------------|
| 19/06/2025            | Ban hành lần 1           | Nguyễn Khả Dũng  | Nguyễn Tuấn Anh | Trần Tuấn Nam |
| <b>Ngày<br/>tháng</b> | <b>Nội dung thay đổi</b> | <b>Người Lập</b> | <b>Xác nhận</b> | <b>Duyệt</b>  |





Thông tin luân chuyển

| Tiêu đề     | Người xử lý     | Chức danh        | Ngày hoàn tất       | Hành động | Ý kiến |
|-------------|-----------------|------------------|---------------------|-----------|--------|
| Lập đề nghị | Nguyễn Khả Dũng | Nhân viên        | 19/06/2025<br>16:20 | Gửi       |        |
| Phê duyệt   | Trần Tuấn Nam   | Trưởng ban dự án | 20/06/2025<br>14:07 | Phê duyệt |        |

